TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2022
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

(Chị Th, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị Th trình bày*: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đăng N vào ngày 08/9/2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào Mỹ theo quy định pháp luật. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới chị về gia đình anh N làm dâu ngay.

Vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc với nhau được mấy năm đầu tiên thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống, anh N là người ít nói nên hai bên không chia sẻ, giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra căng thẳng. Chị đã từng gửi đơn xin ly hôn anh N ra Toà án nhưng sau được hoà giải nên chị rút đơn để cho anh N thêm cơ hội. Vợ chồng về ở với nhau được thời gian ngắn thì lại mâu thuẫn. Không thể chung sống được cùng nhau thêm nữa nên tháng 7/2020, chị đưa con về nhà ngoại ở hẳn cho đến nay. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không quan tâm hay liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị xác định bản thân không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 11/7/2006 và Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 03/02/2009. Hiện cháu Hương đang do chị nuôi dưỡng, còn cháu Khôi do anh N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Hương, để anh N nuôi cháu Khôi. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, hiện chị đi làm công nhân may ở công ty gần nhà có thu nhập ổn định, sau khi ly hôn chị và con tiếp tục sinh sống ở nhà mẹ đẻ của chị. Về phía anh N cũng có công việc, thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Đăng N trình bày:* Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn giữa hai vợ chồng như chị Th khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra bất đồng, từ tháng 7/2020 chị Th bỏ về ngoại ở hẳn, vợ chồng sống ly thân từ đó không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay chị Th xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung đúng như chị Th trình bày. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 03/02/2009, để chị Th nuôi cháu Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 11/7/2006. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu giải quyết. Hiện anh đang làm tại Công ty ASC ở thị trấn Vôi, thu nhập ổn định hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ngày 01/6/2022, Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (*bị đơn anh N vắng mặt do anh N có đơn từ chối hoà giải và xin vắng mặt tại các buổi làm việc*).

* Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Th, bị đơn anh Nguyễn Đăng N xin vắng mặt tại phiên toà. Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Cho chị Th được ly hôn anh N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 11/7/2006 cho chị Th nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 03/02/2009 cho anh N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Th, anh N đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị Th làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đăng N. Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh N, yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

[3] Sự vắng mặt của các đương sự: Chị Th, anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà; chị Th, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh N đăng ký kết hôn ngày 08/9/2005 tại UBND xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định là hôn nhân giữa chị Th và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bản thân chị Th và anh N đều xác định trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không chia sẻ với nhau; vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 7/2020

đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; anh N đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Th được ly hôn anh N.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 11/7/2006 và Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 03/02/2009. Chị Th và anh N đều có nguyện vọng: Chị Th được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hương, anh N được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đăng Khôi; chị Th, anh N đều xác định có công việc, thu nhập ổn định và đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, cần giao cháu Hương cho chị Th nuôi dưỡng, giao cháu Khôi cho anh N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th, anh N không yêu cầu.

Chị Th, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Th ly hôn anh Nguyễn Đăng N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hương, sinh ngày 11/7/2006 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Đăng Khôi, sinh ngày 03/02/2009 cho anh Nguyễn Đăng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Th, anh N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị Th, anh N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012877 ngày 19/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Th, anh Nguyễn Đăng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đào Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Mai Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mai Lan